

Số: /SNV-VP

Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2023

V/v khuyến khích thực hiện
thủ tục hành chính bằng hình thức
trực tuyến

Kính gửi:

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Kế hoạch số 77/KH-SNV ngày 30/3/2023 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông đã đăng ký triển khai tích hợp 89 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.daknong.gov.vn>.

Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông xin thông báo và khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trong thực hiện các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Sở (có *Phụ lục* kèm theo).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ bộ phận hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông (Địa chỉ: Số 94 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Số điện thoại: 0934.928220, đồng chí Lợi) để được hướng dẫn.

Vậy, Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông xin thông báo và rất mong nhận được sự phối hợp thực hiện của quý tổ chức, cá nhân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, VP(NL).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quy

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

Stt	Tên thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ
1	Thủ tục thành lập hội
2	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội
4	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
5	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ
6	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ
7	Thủ tục đổi tên quỹ
II	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG
8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh
9	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh
10	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh
11	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc
III	LĨNH VỰC VĂN THƯ LƯU TRỮ
12	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ

Phụ lục 2
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Chính quyền địa phương	
1	2.000.465	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
2	1.000.989	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã
II	Lĩnh vực Công chức, viên chức	
3	1.005.392	Thủ tục xét tuyển viên chức
4	1.005.393	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức
5	2.002.156	Thủ tục xét tuyển công chức
6	1.005.385	Thủ tục tiếp nhận tiếp nhận vào công chức (Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020).
7	1.005.388	Thủ tục thi tuyển Viên chức
8	1.005.384	Thủ tục thi tuyển công chức
9	2.002.157	Thủ tục thi nâng ngạch công chức
10	1.005.394	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
III	Lĩnh vực Công tác thanh niên	
11	2.001.683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
12	2.001.717	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
13	1.003.999	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng	
14	1.000.681	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại
15	2.000.418	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình
16	2.000.422	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất
17	2.000.437	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề
18	1.000.898	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề
V	Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	
19	1.009.320	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
20	1.009.319	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
21	1.009.321	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

VI	Lĩnh vực quản lý nhà nước về Hội, Quỹ	
22	1.003.621	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
23	1.003.866	Thủ tục tự giải thể quỹ
24	1.003.918	Thủ tục hội tự giải thể
25	2.001.678	Thủ tục đổi tên hội
26	2.001.567	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ
27	1.003.503	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (QĐ 681)
28	1.003.950	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi tạm đình chỉ hoạt động
29	1.003.858	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện
30	2.001.688	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội
31	1.003.916	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
VII	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo	
32	1.001.589	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
33	1.001.604	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
34	1.001.610	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
35	2.000.456	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
36	2.000.264	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
37	2.000.269	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
38	1.000.766	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
39	1.001.550	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
40	2.000.713	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
41	1.001.775	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
42	1.001.797	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

43	1.001.807	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
44	1.001.818	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
45	1.001.832	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
46	1.001.843	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam
47	1.001.854	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
48	1.001.875	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
49	1.001.886	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
50	1.001.894	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
51	1.001.624	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
52	1.001.626	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
53	1.001.628	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
54	1.001.637	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
55	1.001.640	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
56	1.001.642	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
57	1.000.415	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
58	1.000.517	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
59	1.000.535	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
60	1.000.587	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm

		chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
61	1.000.604	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
62	1.000.638	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
63	1.000.654	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
64	1.000.780	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP
65	1.000.788	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
66	1.000.054	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh
VIII	Lĩnh vực Văn thư và Lưu trữ nhà nước	
67	1.010.194	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc
68	1.010.196	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ
IX	Lĩnh vực Tổ chức hành chính	
69	1.009.331	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính
70	1.009.332	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính
71	1.009.333	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính
72	1.009.339	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm
73	1.009.340	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm
X	Lĩnh vực sự nghiệp công lập	
74	1.009.339	Thủ tục thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh
75	1.009.340	Thủ tục thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh
76	1.009337	Thẩm định đề án VTVL trong các đơn vị sự nghiệp công lập
77	1.009352	Thẩm định điều chỉnh đề án VTVL trong các đơn vị sự nghiệp công lập